THUYẾT VÔ CẤU XƯNG KINH SỚ

QUYỂN 5
(PHẦN 2)

Kinh: *Lúc bấy giờ, hoa trời kia... liền dính chẳng rơi.*

Tán: Đoạn này nói về hoa dính và không dính, gồm có hai:

1. Nói dính và không dính.
2. Nói phủi chẳng rơi.

Đây là văn thứ nhất.

Kinh: *Lúc bấy giờ, các Thanh văn... chẳng thể rơi.*

Tán: Đây là nói phủi chẳng rơi.

Kinh: *Lúc bấy giờ các Thiên nữ... vì sao lại phủi hoa?*

Tán: Hỏi đáp để phá chấp, gồm có ba:

1. Thiên nữ hỏi.
2. Ngài Thu Tử đáp.
3. Thiên nữ thuyết. Đây là lời Thiên nữ hỏi.

Kinh: *Xá-lợi Tử nói rằng... cho nên tôi phủi hoa.*

Tán: Ngài Thu Tử đáp.

Kinh: *Thiên nữ nói: Thôi!... chẳng như pháp.*

Tán: Thiên nữ thuyết. Gồm hai phần là nêu lên và giải thích.

Đây là văn thứ nhất.

Kinh: *Vì sao?... tự chẳng như pháp.*

Tán: Đây là phần giải thích; có hai ý:

1. Dùng hoa và người đối đãi nhau.
2. Dùng Đại, Tiểu đối đãi nhau.

Trong ý thứ nhất lại có hai:

1. Nêu lên.
2. Giải thích.

Đây là phần nêu lên.

Kinh: *Vì sao?... có phân biệt khác.*

Tán: Đây là giải thích lý do hoa và người khác nhau. Không phân biệt tức không có các chấp trước phân biệt. Không phân biệt khác tức

không có phân biệt sai khác. Vả lại đầu tiên nói không thuộc tướng chung, sau nói không thuộc tướng riêng.

Kinh: *Trong phần Thiện thuyết pháp của Tỳ-nại-da... là như pháp.*

Tán: Đây là nói về đại tiểu đối đãi, gồm có hai ý:

1. Nói về người có sai biệt.

2. Nói hoa dính thân có khác.

Đây là văn thứ nhất. Nơi giới luật của Phật mà xuất gia, nếu có hai phân biệt trên thì gọi là chẳng như pháp, vì trái đạo lý; không có hai phân biệt, thì gọi là như pháp, vì thuận chánh lý.

Kinh: *Thưa ngài Xá-lợi Tử... và phân biệt khác.*

Tán: Đây là nói về hoa dính có khác, gồm hai ý:

1. Nói phân biệt khác nhau, thì hoa dính và chẳng dính.

2. Tập khí đoạn trừ khác nhau thì hoa có dính và chẳng dính.

Trong ý đầu tiên lại có hai câu:

1. Nói phân biệt có khác nhau thì hoa có dính và chẳng dính.

2. Sợ và chẳng sợ thì hoa có dính và chẳng dính.

Đây là câu một. Bồ-tát không có hai phân biệt cho nên hoa chẳng dính; Thanh văn có hai phân biệt nên hoa dính thân.

Kinh: *Thưa ngài Xá-lợi Tử... chẳng được tiện lợi, thừa cơ.*

Tán: Đây là nói về sợ và chẳng sợ thì có dính và chẳng dính. Đầu tiên là nêu dụ sau là hợp.

Đây là phần dụ. Phi nhân tức quỷ thần...

Kinh: *Nếu sợ sinh tử... chẳng được tiện lợi, thừa cơ.*

Tán: Đây là hợp. Nhị thừa sợ sinh tử, các cảnh được tiện lợi, thừa cơ nhiễu loạn tâm ý; Bồ-tát không sợ sinh tử, nên các cảnh chẳng nhiễu loạn tâm ý của các ngài được.

Kinh: *Lại, thưa ngài Xá-lợi Tử... hoa chẳng dính.*

Tán: Đây là nói về tập khí đã đoạn có sợ hãi, thì hoa có dính và chẳng dính. Tập tức tập khí, thuộc thô trọng. Lìa ngoài chủng tử có thể tánh riêng biệt. Như chủng tử ác khẩu, chủng tử ca múa...

Kinh: *Xá-lợi Tử hỏi rằng... đến nay đã bao lâu?*

Tán: Thiên nữ đối đáp để phá chấp, đây là phần thứ hai ngài Thu Tử hỏi đáp. Theo văn gồm có năm:

1. Hỏi trụ ở trượng thất này lâu mau.

2. Hỏi phát tâm thừa nào.

3. Hỏi khiến chuyển thân nữ.

4. Hỏi về sau sinh cõi nào.

5. Hỏi về thời gian chứng quả.

Trong đoạn hỏi đáp, gồm mười hai câu. Đây là câu hỏi thứ nhất.

Kinh: *Thiên nữ đáp rằng… trụ giải thoát.*

Tán: Thứ hai là lời đáp. Giải thoát ở đây tức trạch diệt vô vi, Niết-bàn hữu dư, bản tánh là trụ không, cho nên nói là trụ giải thoát.

Kinh: *Xá-lợi Tử hỏi… lâu như thế sao?*

Tán: Thứ ba là câu hỏi.

Kinh: *Thiên nữ lại đáp… cũng lâu như thế chăng?*

Tán: Thứ tư, câu phản vấn. Ngài giải thoát lâu giống như thế ư?

Kinh: *Xá-lợi Tử im lặng không đáp.*

Tán: Thứ năm, chẳng đáp.

Kinh: *Thiên nữ hỏi: Tôn giả… im lặng chẳng đáp.*

Tán: Thứ sáu, Thiên nữ lại hỏi. Là bậc có tuệ biện tài bậc nhất, vì sao chẳng trả lời.

Kinh: *Xá-lợi Tử đáp… rốt cuộc biết nói thế nào?*

Tán: Thứ bảy, Xá-lợi Tử đáp. Niết-bàn vô danh, vì tánh lìa danh ngôn, hà huống bản tánh lại có thể trả lời là trụ lâu mau sao?

Kinh: *Thiên nữ nói… đều là tướng giải thoát.*

Tán: Thứ tám, giải thích về giải thoát, gồm ba phần:

1. Nêu lên.

2. Giải thích.

3. Kết luận.

Đây là phần nêu lên.

Kinh: *Vì sao… lìa trong ngoài và khoảng giữa mà có thể được.*

Tán: Đây là phần giải thích, có hai:

1. Giải thích tướng giải thoát.

2. Giải thích tướng văn tự.

Đây là giải thích tướng giải thoát, lấy chân như làm thể.

Kinh: *Văn tự cũng thế… chẳng phải lìa trong ngoài và khoảng giữa mà được.*

Tán: Đây là thích tướng văn tự chỉ là giả lập trên âm thanh, không thật có văn tự, thì đâu có trong ngoài.

Kinh: *Vì thế… tánh của nó bình đẳng.*

Tán: Vì tất cả pháp, tánh chân như, thể chân giải thoát đều bình đẳng, không sai biệt.

Kinh: *Xá-lợi Tử hỏi… là giải thoát chăng?*

Tán: Thứ chín là câu hỏi. Ngài Thu Tử cho rằng lìa phiền não trói buộc là chứng đắc trạch diệt được giải thoát. Cho nên nêu câu hỏi này.

Kinh: *Thiên nữ đáp rằng Đức Phật… bản tánh là giải thoát.*

Tán: Thứ mười là giải thích. Nhị thừa là người tăng thượng mạn, vì chưa được quả Phật mà cho là bậc nhất, lại chẳng mong cầu gì nữa, được ít đã cho là nhiều, gọi là người tăng thượng mạn, đều thuộc về tánh vô phú. Đức Phật vì những người này mà nói lìa phiền não chứng Trạch diệt gọi là giải thoát. Các Bồ-tát gọi là bậc viễn ly, vì họ mà Đức Phật nói bản tánh của phiền não là chân như, đó là giải thoát.

Kinh: *Xá-lợi Tử nói… trí tuệ biện tài như thế?*

Tán: Thứ mười một, Xá-lợi Tử lại hỏi Thiên nữ chứng được gì mà có tuệ biện tài như thế?

Kinh: *Thiên nữ đáp… là tăng thượng mạn.*

Tán: Thứ mười hai, Thiên nữ đáp. Các pháp vốn không, không được không chứng, nói có được có chứng, thì gọi là tăng thượng mạn. Thật chỉ có được một ít, chẳng phải được nhiều.

Kinh: *Xá-lợi Tử nói rằng… phát tâm thú hướng thừa nào?*

Tán: Phần thứ hai hỏi về phát tâm hướng đến thừa nào? Gồm có bốn:

1. Hỏi.
2. Đáp.
3. Vấn nạn.
4. Giải thích.

Đây là lời hỏi.

Kinh: *Thiên nữ đáp rằng… đều phát tâm thú hướng đến.*

Tán: Thứ hai là trả lời.

Kinh: *Xá-lợi Tử hỏi… nói như thế?*

Tán: Thứ ba là vấn nạn. Theo căn cơ mà học pháp thì gọi là thừa. Phát thú đến cả ba thừa thì lời thật khó hiểu. Cho nên gọi là mật ý.

Kinh: *Thiên nữ đáp… ta là Đại thừa.*

Tán: Thứ tư, giải thích, gồm có ba phần:

1. Tự hành hạnh của người khác.
2. Ứng theo người mà trình bày pháp.
3. Giải thích các điều nghi.

Đây là văn thứ nhất. Bản dịch xưa không ghi phần này. Thanh văn có hai nghĩa:

1. Phẩm thứ hai kinh Pháp Hoa nói nghe pháp tin nhận.
2. Trong phẩm Tín Giải dùng đạo khiến được nghe.

Ở đây căn cứ theo nghĩa thứ hai, cho nên gọi là Thanh văn. Tự nhiên giác ngộ chân pháp tánh, chẳng đợi người khác dạy, chỉ thích tịch

tĩnh cho nên gọi là Độc giác. Chẳng thuyết quán đãi duyên mà khởi giác ngộ cũng gọi là Duyên giác. Chẳng lìa bỏ Từ bi cho nên gọi là Đại thừa.

Kinh: *Thưa ngài Xá-lợi Tử... tôi là Đại thừa.*

Tán: Đây là ứng hợp theo người mà trình bày pháp. Tùy thuận theo chúng sinh mà tuyên thuyết diệu pháp, hoặc hiện thân tướng của họ. Vì thế mà gọi là ba thừa.

Kinh: *Thưa ngài Xá-lợi Tử... không thích ngửi mùi hương của các loài cỏ cây khác.*

Tán: Đây là giải thích nghi nạn. Nghĩa là có người nghi rằng: "Thiên nữ hiện cả ba thừa, vì sao trong trượng thất này không thấy người Nhị thừa, chẳng nghe pháp Nhị thừa?". Văn sau có bốn đoạn giải thích mối nghi này. Ta tuy là Tam thừa có đủ đức của ba thừa, nhưng trong trượng thất chỉ có Đại thừa, cho nên chẳng thấy hàng Nhị thừa, chẳng nghe pháp Nhị thừa. Trong bốn đoạn sau thì: Đoạn một, chỉ nói hạnh Đại thừa, đoạn hai nói về lý Đại thừa, đoạn ba nói về quả Đại thừa, đoạn bốn nói về giáo Đại thừa. Hạnh như hương thơm xông ướp, làm tăng trưởng gốc thiện; lý như thể của hương, hay dứt trừ điều ác; hai việc sau tự có thể biết được. Văn thứ nhất gồm có ba:

1. Dụ.
2. Pháp.
3. Giải thích.

Đây là nêu dụ. Chiêm-bát-ca, xưa âm là Chiêm-bặc, hương thơm vi diệu bậc nhất, ở cõi này không có.

Kinh: *Như thế nếu trụ ở thất này... hương công đức.*

Tán: Đây là pháp.

Kinh: *Do trong ngôi trượng thất này... thường xông ướp.*

Tán: Diệu Hương công đức là hạnh Đại thừa.

Kinh: *Thưa ngài Xá-lợi Tử... mùi hương vi diệu mà đi ra.*

Tán: Thứ hai nói về lý Đại thừa. Na-ca tức là rồng. Tất cả đều thấy các bậc Đại thừa, nghe được nghĩa lý đã nói, liền hiểu và quy hướng nhận mùi hương mà đi ra.

Kinh: *Thưa ngài Xá-lợi Tử... lời nói tương ưng.*

Tán: Thứ ba nói về giáo Đại thừa. Mười hai năng tức mười hai trụ của Bồ-tát, đó là chủng tánh, thắng giải hạnh, cực hỷ, tăng thượng giới, tăng thượng tâm, tam tuệ, vô tướng hữu công dụng, vô tướng vô công dụng, vô ngại giải, tối thượng Bồ-tát trụ và Như Lai trụ. Mười hai trụ trước gọi là Bồ-tát nhập vào giai vị Bồ-tát, chẳng từng nghe thuyết

giáo pháp Nhị thừa. Giáo và lý thuận nhau gọi là tương ưng. Chẳng từng nghe thuyết giáo tương thuận với đạo lý của Nhị thừa, chỉ nghe thuyết giáo pháp tương ưng với Đại thừa.

Kinh: *Thưa ngài Xá-lợi Tử... pháp thù thắng.*

Tán: Phần thứ tư nói về quả Đại thừa. Do tu Đại thừa, nên được quả có tám loại thù thắng. Gồm ba câu:

1. Nêu lên.
2. Giải thích.
3. Kết luận. Đây là câu thứ nhất nêu lên.

Kinh: *Những gì là tám?*

Tán: Đây là câu giải thích, có hai:

1. Hỏi.
2. Đáp.

Đây là câu hỏi.

Kinh: *Thưa ngài Xá-lợi Tử! Đó là... pháp thù thắng.*

Tán: Đáp, có tám. Việc hy hữu thứ nhất về sự trụ nơi trượng thất trống có tám việc hy hữu này, biểu thị cho việc trụ ở chân không hay phát sinh tám việc, tùy theo chỗ thích ứng có thể nêu đầy đủ, nay sợ văn rườm rà cho nên không nêu. Bên trong có trí tuệ, nên cảm bên ngoài phóng ánh sáng. Thứ nhất là biết tri, ánh sáng màu vàng ròng luôn luôn, chiếu soi cùng khắp tất cả, ngày đêm không dứt, chỉ thuyết Đại thừa, không lấy ánh sáng mặt trời, mặt trăng Nhị thừa để chiếu soi.

Kinh: *Lại, ngài Xá-lợi Tử!... là pháp thù thắng.*

Tán: Việc hy hữu thứ hai. Nghe pháp làm duyên, phiền não chẳng thể làm hại được.

Kinh: *Thưa ngài Xá-lợi Tử!... là pháp thù thắng.*

Tán: Việc hy hữu thứ ba. Gần gủi duyên lành, cho nên các chúng đều vân tập đến, chẳng để thất trống.

Kinh: *Thưa ngài Xá-lợi Tử!... pháp thù thắng.*

Tán: Điều hy hữu thứ tư. Giáo pháp sâu xa vi diệu, luôn tuyên thuyết pháp luân bất thoái sáu độ.

Kinh: *Thưa ngài Xá-lợi Tử!... là pháp thù thắng.*

Tán: Việc hy hữu thứ năm. Vật cúng rất tốt đẹp cho nên có niềm vui pháp.

Kinh: *Thưa ngài Xá-lợi Tử!... là pháp thù thắng.*

Tán: Viêc hy hữu thứ sáu. Bốn đại tạng thâu nhiếp vô lượng pháp. Vì bên trong hạnh đã đầy thì bên ngoài cảm được bốn tạng, vì pháp tuệ đầy đủ cho nên tài thí sung mãn. Thiếu tài bảo gọi là bần, hoàn toàn

không có tài bảo gọi là cùng, không có vợ thì gọi là quan, không có chồng thì gọi là quả; không còn cha mẹ thì gọi là cô, không anh chị em thì gọi là độc, không còn thân tộc, gọi là không có chỗ nương (vô y).

Kinh: *Thưa ngài Xá-lợi Tử... pháp thù thắng.*

Tán: Điều hy hữu thứ bảy. Trong thấy pháp thân, ngoài thấy báo Phật, hà huống hóa thân làm lợi ích, vì sao lại cầu mà chẳng đến? Cho nên biết chí tâm cầu thỉnh, thì ứng theo sự nghĩ nhớ mà đến; cảm tha thiết về pháp hy hữu, nên nghe xong liền đi. Tổng cộng gồm mười một vị Phật ứng thỉnh.

Kinh: *Thưa ngài Xá-lợi-phất... pháp thù thắng.*

Tán: Việc hy hữu thứ tám. Cõi chúng sinh đến kiếp tận thì tịnh độ vẫn thường an ổn. Phàm phu thì thấy đó chỉ là ngôi thất nhỏ, bậc Thánh biết đó là tịnh độ, huống gì có thể hóa hiện mà chẳng có thiên cung? Nhưng do bên trong đầy đủ đức nên bên ngoài cảm được tướng trang nghiêm. Thất nhỏ còn có tám điều hy hữu, thì cõi nước lớn có hằng hà sa điều khó có. Vì cứu tám nạn, thương xót tám bộ, đoạn tám thức, trừ tám tà, hiển tám Chánh đạo, được tám giải thoát, vì thế chỉ nêu tám điều hy hữu.

Kinh: *Thưa ngài Xá-lợi Tử!... là pháp Độc giác sao?*

Tán: Phần thứ ba, kết luận; cho nên không thấy có Nhị thừa nghe pháp, chỉ có pháp Đại thừa mà thôi.

Kinh: *Lúc bấy giờ, Xá-lợi Tử... chuyển thân nữ này.*

Tán: Đây là câu hỏi khiến chuyển thân nữ. Có ba:

1. Khiến chuyển thân nữ.
2. Chuyển Xá-lợi Tử.
3. Trở lại thân cũ.

Trong đoạn một có năm câu:

1. Hỏi.
2. Đáp.
3. Phản vấn.
4. Lại đáp.
5. Giải thích.

Đây là câu hỏi. Thu Tử ở giai vị thấp chẳng thể suy lường được trí đức của bậc thượng vị, cho rằng có thật thân nữ, cho nên bảo nên chuyển.

Kinh: *Thiên nữ đáp rằng... nên chuyển thế nào?*

Tán: Đây là lời đáp. Mười hai năm, hoặc để biểu thị mười hai nhân duyên, nên mượn câu nói mười hai năm tự sống trong sinh tử tìm

cầu thân nữ chân thật đều chẳng thể được. Hoặc cho rằng đó là mười hai trụ của Bồ-tát, nên mượn nói mười hai năm; từ khi phát tâm đến nay, tìm cầu thân nữ chân thật, đều chẳng thể được. Hoặc cho rằng tự thân vào ngôi thất này đã mười hai năm để đợi ngài Tịnh Danh, chẳng nên mượn lời để ẩn dụ. Không chỉ hóa làm tướng người nữ, mà cầu tướng thật người nữ cũng không thể có được, đã không có thật người nữ, thì nên chuyển thế nào?

Hỏi: Trước đáp là sống ở đây như trụ giải thoát, không có niên hạn, vì sao bây giờ nói là mười hai năm?

Đáp: Trước là trả lời theo chân lý giải thoát nên đáp không có thời gian. Nay theo sự tu hành và phần hạn trụ nơi sinh tử, cho nên trả lời là mười hai năm. Cả hai không trái nhau.

Kinh: *Thưa ngài Xá-lợi Tử... có phải là câu hỏi đúng chăng?*

Tán: Thứ ba là lời phản vấn, hiển thị đã là nữ huyễn hóa, chẳng phải là chân thật.

Kinh: *Xá-lợi Tử đáp... làm sao mà chuyển?*

Tán: Thứ tư lời đáp.

Kinh: *Thiên nữ nói như thế... chẳng chuyển thân nữ?*

Tán: Thứ năm, chánh thức giải thích. Tất cả hữu vi giống như huyễn hóa, thân nữ đã chẳng chân thật làm sao chuyển được mà bảo chuyển?

Kinh: *Liền khi ấy Thiên nữ... chẳng chuyển thân nữ?*

Tán: Thứ hai là chuyển thân Xá-lợi Tử. Gồm ba:

1. Chuyển và hỏi.
2. Trả lời chẳng biết.
3. Giải thích.

Đây là chuyển và hỏi. Chuyển đổi đây thành kia mà hỏi ngài Thu Tử.

Kinh: *Bấy giờ Xá-lợi Tử... chuyển thành thân nữ.*

Tán: Đáp chẳng biết. Chẳng biết nguyên do thân nam biến mất mà trở thành thân nữ.

Kinh: *Thiên tử lại nói... cũng có thể chuyển được.*

Tán: Đây là phần giải thích. Có ba đoạn:

1. Lược nêu ví dụ.
2. Thành tựu cho tất cả.
3. Dẫn giáo.

Đây là đoạn một.

Kinh: *Như ngài Xá-lợi-phất... mà thật chẳng phải nữ.*

Tán: Đây là thành tựu cho tất cả người nữ. Nêu lên người để hiển rõ mình là nữ thân huyễn hóa chẳng phải thật.

Kinh: *Đức Thế Tôn y cứ vào đây... chẳng phải nam chẳng phải nữ.*

Tán: Đây là dẫn giáo. Tướng thì có nam nữ mà thật không có nam nữ. Sự thì có nam nữ, lý thật không có nam nữ. Trong lời nói chỉ có ẩn ý như thế cho nên gọi là mật ý.

Kinh: *Lúc bấy giờ, Thiên nữ... nay ở đâu?*

Tán: Thứ ba, trở lại hình tướng cũ, có ba:

1. Trả lại hình tướng và hỏi.
2. Theo lý mà đáp.
3. Khen ngợi và dẫn giáo.

Đây là văn thứ nhất.

Kinh: *Xá-lợi Tử nói... không tại đâu, cũng không biến đổi.*

Tán: Theo lý mà đáp. Tướng nữ đã không, sao lại có tại? Vốn chẳng phải là người nữ thật thì đâu có biến? Vả lại pháp tánh không thì cái gì tại, cái gì biến? Bản xưa ghi: "chẳng tại đâu, chẳng phải chẳng tại đâu". Không có người nữ thật xưa tại, nay chẳng tại; không có người nữ thật thì đâu có tại và chẳng tại?

Kinh: *Thiên nữ nói: Thưa Tôn giả... là lời nói chân thật của Phật.*

Tán: Khen ngợi và dẫn giáo. Pháp tánh vốn không, đâu có gì là tại là biến, vả lại không phải như tướng kia. Lập tất cả pháp đều không tại nơi đâu, vì pháp mỗi mỗi luôn luôn sinh khởi, không có tự tánh chân thật; vì sao lại có biến chuyển? Bản xưa nói: "Tất cả pháp cũng chẳng tại và chẳng phải chẳng tại", vì không có thật tánh.

Kinh: L*úc bấy giờ, Xá-lợi Tử... sẽ sinh vào nơi đâu?*

Tán: Thứ tư là hỏi sinh vào nơi đâu; gồm có bốn:

1. Hỏi.
2. Đáp.
3. Vấn nạn.
4. Giải thích.

Đây là lời hỏi. Chẳng hỏi từ đâu đến mà chỉ hỏi chỗ sinh về là vì đã nói trụ ở đây như trụ giải thoát, cho nên chẳng hỏi từ nơi nào đến, chỉ hỏi chỗ sinh về.

Kinh: *Thiên nữ đáp... tôi sẽ sinh vào nơi ấy.*

Tán: Lời đáp. Nơi mà hóa Phật sinh đến tức là chỗ của ta sinh đến.

Kinh: *Xá-lợi Tử nói... là chỗ sẽ sinh về.*

Tán: Thứ ba là hỏi. Hóa thì chẳng phải chân thật, chẳng chết chẳng sinh, vì sao nay lại nói sẽ có chỗ sinh về?

Kinh: *Thiên nữ nói: Thưa Tôn giả… sẽ sinh nơi nào?*

Tán: Không Lý Nghĩa ghi: "Trong Thắng nghĩa đế, các pháp về hữu tình đã không có thể tánh, thì nào có chỗ sinh?" Ứng Lý Nghĩa ghi: "Pháp Biến kế sở chấp và hữu tình đều không có thật thể, thì đâu có chỗ đến, huống gì ta hóa hiện mà có sinh?"

Kinh: *Lúc bấy giờ, Xá-lợi-phất… Chánh đẳng Bồ-đề.*

Tán: Đoạn thứ năm là hỏi về thời gian chứng ngộ Bồ-đề, gồm có chín câu. Đây là câu hỏi thứ nhất. Người bao lâu nữa sẽ được Bồ-đề? Lâu như thế nào?

Kinh: Thiên nữ đáp rằng… lâu cũng như thế.

Tán: Đáp cũng như thế. Như ngài trở lại thành người giả dị sinh, trong thân khởi hữu lậu dị sinh, lâu như thế, ta sẽ được Bồ-đề.

Kinh: Xá-lợi Tử nói… pháp dị sinh.

Tán: Bốn, đáp lời phản vấn, không thể có đạo lý mà nói có nơi chốn thời gian để trở lại thành dị sinh.

Kinh: *Thân nữ nói… người chứng Bồ-đề.*

Tán: Thứ tư, phản vấn để thành tựu cho nghĩa trên. Lý chân như là Đại Bồ-đề, cho nên không có chỗ trụ, cũng không có thời gian để có thể chứng đắc và người chứng ngộ. Cho nên kinh Bát-nhã ghi: "Thật không có một pháp gọi là Bồ-đề."

Kinh: *Xá-lợi Tử nói… đã chứng sẽ chứng.*

Tán: Thứ năm, dẫn giáo để vấn nạn. Hiện tại thì hiện chứng, quá khứ thì đã chứng, vị lai thì sẽ chứng.

Kinh: *Thiên nữ nói rằng thưa Tôn giả… vượt qua ba thời.*

Tán: Thứ sáu, dùng đạo lý để giải thích. Kinh nói ba thời sẽ được Bồ-đề, đó là căn cứ theo văn tự ngữ ngôn thế tục mà nói có, chẳng phải y cứ theo Bồ-đề chân như thắng nghĩa có ba thời mà nói có chứng đắc. Vì Bồ-đề chân như vượt cả ba thời.

Kinh: *Thưa ngài Xá-lợi-phất… A-la-hán chăng?*

Tán: Thứ bảy, lời phản vấn. Muốn làm cho nghĩa lý sáng tỏ hơn, nên đặt câu hỏi này.

Kinh: *Xá-lợi Tử nói… được cái không thể được.*

Tán: Thứ tám, trả lời. Từ xưa chẳng được, hôm nay đã chứng đắc giải thoát; từ xưa đã được hôm nay chẳng được cảnh vọng. Khi chứng vô học thì cái trước chẳng được nay lại được, cái trước đã được thì nay chẳng được, cho nên gọi là được mà chẳng được. Vả lại nói chẳng được

tức có chỗ được. Nếu muốn được tức không có được.

Kinh: *Thiên nữ nói: Thưa Tôn giả… chứng không có chỗ chứng.*

Tán: Thứ chín giải thích. Bồ-đề cũng như thế, từ xưa chưa chứng, nay chứng chân như. Không có chỗ chứng tức nay chẳng chứng chỗ chấp trước hoặc cảnh vọng.

Kinh: *Bấy giờ, Vô Cấu Xưng… vĩnh viễn chẳng thoái chuyển.*

Tán: Đoạn thứ ba, ngài Vô Cấu khen ngợi. Đầu tiên khen đức, sau giải thích người nữ.

Đây là phần thứ nhất. Gồm sáu đức:

1. Gặp duyên tốt.
2. Được sức thần thông.
3. Được trí tuệ.
4. Nguyện đầy đủ.
5. Được vô sinh phần.
6. Đến giai vị bất thoái

Kinh: *Nương sức bản nguyện… thành thục cho hữu tình.*

Tán: Đoạn này giải thích nguyên do làm thân nữ. Do nương vào nguyện lực, tùy ý muốn mà thọ sinh, cho nên vào thất này, thuận theo căn cơ của hữu tình, mà tuyên nói diệu pháp, vì thế mà hiện thân nữ.